TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2019/DS-PT
Ngày 05/11/2019
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Tấn

Ông Trần Bá Kha

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2019/TLPT-DS ngày 25 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 206/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm: 1963. Địa chỉ: 53 LTHG, phường VT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Võ Thị Đan T, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Số 119 đường HT, phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* NLQ (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D trình bày: Chị Võ Thị Đan T có vay tiền của bà là 600.000.000 đ *(Sáu trăm triệu đồng)*, chị T có viết biên nhận ký tên, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày vay. Ngoài ra, có thỏa thuận miệng (bằng lời nói) lãi suất vay là 1,5 %/tháng và chị T nói sử dụng tiền vay vào mục đích mua nhà để bán lại, khi bán được nhà thì sẽ trả tiền cho bà D. Do NLQ1 (chồng chị T) không biết việc vay mượn tiền, nên bà D không yêu cầu trách nhiệm trả nợ của NLQ. Nay bà D khởi kiện yêu cầu chị T thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay là 600.000.000đ *(Sáu trăm triệu đồng)* và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vi phạm trả nợ (ngày 05/11/2017).

Bị đơn chị Võ Thị Đan T trình bày: Chị thừa nhận vay tiền của bà D 600.000.000đ *(Sáu trăm triệu đồng)*, có viết biên nhận ký tên, ngoài ra chị có thỏa thuận miệng (lời nói) nếu nhà để ở thì trả lãi là 1,5 %/tháng. Thời hạn vay là một năm kể từ ngày vay. Chị T cũng có ý định sau khi bán được nhà sẽ thanh toán nợ cho bà D, nhưng do chị nợ nhiều người nên không thanh toán nợ cho bà D như đã hứa. Nay chị T đồng ý trả tiền gốc và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà D.

NLQ đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt và không trình bày lời khai.

Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D với chị Võ Thị Đan T về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản.

Buộc chị T có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền gốc và lãi là 704.082.000đ *(Bảy trăm lẻ bốn triệu không trăm tám mươi hai nghìn đồng)*.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/8/2019 bà Nguyễn Ngọc D kháng cáo:** Yêu cầu cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật là cho mượn tiền chứ không phải là vay tiền. Buộc chị T thanh toán số tiền 600.000.000 đồng đã mượn để mua nhà và tài sản. Nếu xử lý nhà đất của chị T thì phải ưu tiên thanh toán cho bà số tiền 600.000.000 đồng và tiền chênh lệch bán nhà cho bà theo thỏa thuận là 25%.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D trình bày như đơn kháng cáo, tuy nhiên xin rút lại nội dung về việc yêu cầu chị T thanh toán 25% tiền chênh lệch được chia khi bán nhà, thống nhất với tiền gốc và lãi như bản án sơ thẩm tuyên nhưng yêu cầu xem xét cho bà được quyền ưu tiên thanh toán. Chị T yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: NLQ đã được Tòa án niêm yết hợp lệ hai lần, nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc D, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Bà D có cho chị T vay số tiền gốc là 600.000.000đ *(Sáu trăm triệu đồng)*. Chị T có viết biên nhận số tiền nợ ngày 05/11/2016, nội dung chị T mượn tiền của bà D để mua nhà và cam kết một năm sau sẽ trả số tiền đã mượn. Do chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết, nên bà D khởi kiện yêu cầu chị T trả lại số tiền nợ gốc và lãi. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại các Điều 117, 463 và 465 Bộ luật dân sự 2015 xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản và buộc chị T trả cho bà D số tiền nợ là phù hợp và có căn cứ.

[2] Xét việc bà D yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền chị T nợ từ ngày vi phạm nghĩa vụ (ngày 05/11/2017) đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có cơ sở. Bởi lẽ, các bên đương sự thống nhất có thỏa thuận bằng lời nói (thỏa thuận miệng) nếu bán nhà thì chia cho bà D 25% tiền chênh lệch, nếu để ở thì chị T trả lãi suất cho bà D là 1,5%/tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm chị T không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà D (BL 80). Do các bên tranh chấp về lãi suất và không xác định rõ lãi suất phải trả trên số nợ. Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị T phải trả cho bà D số tiền lãi 104.082.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể: [(Tiền vay 600.000.000 đồng x 0,83%/tháng (10%/năm) x 20 tháng 27 ngày] = 104.082.000đ *(Một trăm lẻ bốn triệu không trăm tám mươi hai nghìn đồng)*.

Tổng số tiền gốc và tiền lãi chị T phải trả cho bà D là 704.082.000 đồng (Trong đó, tiền gốc là 600.000.000 đồng, tiền lãi là 104.082.000 đồng).

[3] Xét việc bà D không yêu cầu NLQ (chồng chị T) cùng liên đới trả nợ vay và chị T cũng xác nhận nợ cá nhân không liên quan đến NLQ. Bà D và chị T đều xác định NLQ không liên quan đối với số tiền nợ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét trách nhiệm liên đới của NLQ trong vụ án này là phù hợp.

[4] Xét kháng cáo của bà D cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng là có cơ sở. Bởi lẽ, Tòa án nhận đơn khởi kiện, thông báo cho bà D nộp tạm ứng án phí và bà D đã nộp tiền tạm ứng án phí cùng ngày 25/9/2018 (các BL 11, 12, 15). Tòa án không lập biên bản việc bà D có nộp trễ biên lai tạm ứng án phí hay không, nhưng đến ngày 18/12/2018 Tòa án mới thụ lý vụ án (BL 14) là vi phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, bà D còn cho rằng bà gửi đơn từ tháng 5/2018 nhưng đến ngày 18/12/2018 Tòa án mới thụ lý vụ án. Đối với kháng cáo về hành vi chậm thụ lý giải quyết, nếu bà D cho rằng có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà thì có quyền khiếu nại theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 499 Bộ luật Tố tụng dân sự không giải quyết yêu cầu này của bà D.

Đối với kháng cáo của bà D về việc nếu xử lý căn nhà của chị T, thì yêu cầu ưu tiên thanh toán cho bà số tiền nợ gốc và tiền chênh lệch. Tại phiên tòa phúc thẩm bà D không yêu cầu chị T trả tiền chênh lệch mà thống nhất với số tiền gốc và lãi như quyết định của bản án sơ thẩm tuyên, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Đối với yêu cầu được ưu tiên thanh toán, xét thấy căn nhà không phải là tài sản dùng để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của chị T đúng theo quy định pháp luật, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà D về việc ưu tiên thanh toán.

[5] Từ cơ sở nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ. Thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà D.

[6] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ Thị Đan T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 32.163.200 đồng. Cụ thể: 704.082.000 đồng = {20.000.000 đồng + [(704.082.000 đồng - 400.000.000 đồng) x 4%)]}.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc D được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà D.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc D không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, nên phải nộp án phí 300.000 đồng và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 296, khoản 2 Điều 499 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, Điều 465, khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc D.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS-ST ngày 02/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn chị Võ Thị Đan T.

Buộc chị Võ Thị Đan T phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc D tổng số tiền gốc và lãi là 704.082.000đ *(Bảy trăm lẻ bốn triệu không trăm tám mươi hai nghìn đồng)*. Trong đó, tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi là 104.082.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

"Mức lãi suất hai bên thỏa thuận" là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

2. Về án phí

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ Thị Đan T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 32.163.200đ *(Ba mươi hai triệu một trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm đồng)*

Hoàn trả cho bà Nguyễn Ngọc D số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008488 ngày 25/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Ngọc D phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007272 ngày 15/8/2019 của Chi cục Thi hành án thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Bà D không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND Tp. RG;
- THA dân sự Tp. RG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Bích Vân